**Phụ lục số XV**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BYT ngày tháng năm 20*

*của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

1. **Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghềchuyên khoa dinh dưỡng**

| **STT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** |
| --- | --- |
|  | Sàng lọc nguy cơ dinh dưỡng. |
|  | Khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng chỉ số nhân trắc cho các giai đoạn phát triển của trẻ dưới 5 tuổi |
|  | Khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người từ 5 đến 19 tuổi. |
|  | Khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người trưởng thành. |
|  | Khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người cao tuổi |
|  | Khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng tổng thể bằng các công cụ dinh dưỡng chuyên biệt; |
|  | Khám, đánh giá lớp mỡ dưới da để xác định tình trạng dinh dưỡng; |
|  | Khám, đánh giá khối cơ ngoại vi để xác định tình trạng dinh dưỡng. |
|  | Khám, đánh giá và phân tích thành phần cơ thể. |
|  | Khám, đánh giá suy giảm khối cơ ở người cao tuổi. |
|  | Khám, đánh giá cơ tứ đầu đùi bằng siêu âm để xác định tình trạng dinh dưỡng.. |
|  | Phối hợp, hội chẩn với bác sĩ điều trị trong việc đưa ra chế độ dinh dưỡng phù hợp. |
|  | Nhận định, đánh giá khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ qua |
|  | Theo dõi khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ. |
|  | Kỹ thuật đo chuyển hóa năng lượng cơ bản gián tiếp. |
|  | Kỹ thuật đo trọng lượng cơ thể cho người bệnh nặng bằng dụng cụ chuyên biệt |
|  | Kỹ thuật đánh giá chiều cao bằng chiều dài cẳng chân ở các đối tượng đặc biệt. |
|  | Kỹ thuật phát hiện nhanh an toàn thực phẩm. |
|  | Xây dựng nhu cầu các vitamin và khoáng chất cho người bệnh nuôi dưỡng bằng đường truyền tĩnh mạch |
|  | Xây dựng thành phần các chất sinh năng lượng nuôi dưỡng qua đường tĩnh mạch toàn phần. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh có bệnh lý đơn thuần. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh có bệnh lý phối hợp. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh có bệnh lý đặc biệt (trước, trong và sau ghép tạng) |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh trước phẫu thuật. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng qua đường tiêu hóa cho người bệnh sau phẫu thuật. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho nuôi dưỡng qua ống thông (dạ dày/ruột non). |
|  | Kỹ thuật pha trộn các chất dinh dưỡng để nuôi dưỡng bằng đường tiêu hóa. |
|  | Kỹ thuật pha trộn các chất dinh dưỡng để nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch, |
|  | Chế biến chế độ dinh dưỡng các giai đoạn phát triển của trẻ |
|  | Chế biến chế độ dinh dưỡng ăn qua ống thông |
|  | Chế biến chế độ dinh dưỡng cho người bệnh tập phục hồi chức năng nuốt |
|  | Kỹ thuật cho người bệnh có rối loạn về nuốt ăn |
|  | Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua sonde |
|  | Tư vấn, hướng dẫn chế độ dinh dưỡng cho người bệnh khi điều trị nội trú |
|  | Hướng dẫn chế độ ăn phù hợp tại nhà cho người bệnh trước khi xuất viện. |
|  | Truyền thông giáo dục về dinh dưỡng cho người bệnh; |
|  | Nghiên cứu khoa học về dinh dưỡng. |
|  | Các kỹ thuật của Bác sỹ đa khoa |

1. **Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh dinh dưỡng lâm sàng trình độ đại học**

| **STT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** |
| --- | --- |
|  | Sàng lọc nguy cơ dinh dưỡng. |
|  | Khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng chỉ số nhân trắc cho các giai đoạn phát triển của trẻ dưới 5 tuổi |
|  | Khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người từ 5 đến 19 tuổi. |
|  | Khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người trưởng thành. |
|  | Khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người cao tuổi |
|  | Khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng tổng thể bằng các công cụ dinh dưỡng chuyên biệt; |
|  | Khám, đánh giá lớp mỡ dưới da để xác định tình trạng dinh dưỡng; |
|  | Khám, đánh giá khối cơ ngoại vi để xác định tình trạng dinh dưỡng. |
|  | Khám, đánh giá và phân tích thành phần cơ thể. |
|  | Khám, đánh giá suy giảm khối cơ ở người cao tuổi. |
|  | Khám, đánh giá cơ tứ đầu đùi bằng siêu âm để xác định tình trạng dinh dưỡng.. |
|  | Phối hợp, hội chẩn với bác sĩ điều trị trong việc đưa ra chế độ dinh dưỡng phù hợp. |
|  | Nhận định, đánh giá khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ qua |
|  | Theo dõi khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ. |
|  | Kỹ thuật đo chuyển hóa năng lượng cơ bản gián tiếp. |
|  | Kỹ thuật đo trọng lượng cơ thể cho người bệnh nặng bằng dụng cụ chuyên biệt |
|  | Kỹ thuật đánh giá chiều cao bằng chiều dài cẳng chân ở các đối tượng đặc biệt. |
|  | Kỹ thuật phát hiện nhanh an toàn thực phẩm. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh có bệnh lý đơn thuần. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh có bệnh lý phối hợp. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh trước phẫu thuật. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng qua đường tiêu hóa cho người bệnh sau phẫu thuật. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho nuôi dưỡng qua ống thông (dạ dày/ruột non). |
|  | Kỹ thuật pha trộn các chất dinh dưỡng để nuôi dưỡng bằng đường tiêu hóa. |
|  | Kỹ thuật pha trộn các chất dinh dưỡng để nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch, |
|  | Chế biến chế độ dinh dưỡng các giai đoạn phát triển của trẻ |
|  | Chế biến chế độ dinh dưỡng ăn qua ống thông |
|  | Chế biến chế độ dinh dưỡng cho người bệnh tập phục hồi chức năng nuốt |
|  | Kỹ thuật cho người bệnh có rối loạn về nuốt ăn |
|  | Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua sonde |
|  | Tư vấn, hướng dẫn chế độ dinh dưỡng cho người bệnh khi điều trị nội trú |
|  | Hướng dẫn chế độ ăn phù hợp tại nhà cho người bệnh trước khi xuất viện. |
|  | Truyền thông giáo dục về dinh dưỡng cho người bệnh; |
|  | Nghiên cứu khoa học về dinh dưỡng. |

1. **Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh dinh dưỡng lâm sàng trình độ cao đẳng**

| **STT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** |
| --- | --- |
|  | Sàng lọc nguy cơ dinh dưỡng. |
|  | Thực hiện kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng chỉ số nhân trắc cho các giai đoạn phát triển của trẻ dưới 5 tuổi |
|  | Thực hiện kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người từ 5 đến 19 tuổi. |
|  | Thực hiện kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người trưởng thành. |
|  | Thực hiện kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người cao tuổi |
|  | Khám, đánh giá suy giảm khối cơ ở người cao tuổi. |
|  | Nhận định, đánh giá khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ qua |
|  | Theo dõi khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ. |
|  | Kỹ thuật đo chuyển hóa năng lượng cơ bản gián tiếp. |
|  | Kỹ thuật đo trọng lượng cơ thể cho người bệnh nặng bằng dụng cụ chuyên biệt |
|  | Kỹ thuật phát hiện nhanh an toàn thực phẩm. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh có bệnh lý đơn thuần. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh có bệnh lý phối hợp. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh trước phẫu thuật. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng qua đường tiêu hóa cho người bệnh sau phẫu thuật. |
|  | Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho nuôi dưỡng qua ống thông (dạ dày/ruột non). |
|  | Kỹ thuật pha trộn các chất dinh dưỡng để nuôi dưỡng bằng đường tiêu hóa. |
|  | Chế biến chế độ dinh dưỡng các giai đoạn phát triển của trẻ |
|  | Chế biến chế độ dinh dưỡng ăn qua ống thông |
|  | Chế biến chế độ dinh dưỡng cho người bệnh tập phục hồi chức năng nuốt |
|  | Kỹ thuật cho người bệnh có rối loạn về nuốt ăn |
|  | Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua sonde |
|  | Tư vấn, hướng dẫn chế độ dinh dưỡng cho người bệnh khi điều trị nội trú |
|  | Hướng dẫn chế độ ăn phù hợp tại nhà cho người bệnh trước khi xuất viện. |
|  | Truyền thông giáo dục về dinh dưỡng cho người bệnh; |
|  | Tham gia nghiên cứu khoa học về dinh dưỡng. |